

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU L
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **210/2022/HNGĐ - ST**

Ngày 20/9/2022

V/v " Ly hôn, Th chấp
nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU L -TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê N Văn

Ông Trịnh Công Kiều

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án

Tòa án nhân dân huyện Hậu L.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu L tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 , về việc “ *Ly hôn, Th chấp nuôi con chung khi ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-HPT ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V - Sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ Th, xã L S, huyện Hậu L, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Khu Phố T, thị trấn Ng L, huyện Ng L, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn: Anh Trương Ngọc Đ - Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đ Th, xã L S, huyện Hậu L, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo nguyên đơn - chị Phạm Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Trương Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 26/01/2011 được UBND xã L S, huyện Hậu L cấp đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp,

bất đồng quan điểm sống. Anh Đ chơi bời, bài bạc, có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nên chị V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Ng Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Trương Nhật N, sinh ngày 31/10/2011, cháu thứ hai tên là Trương Linh Đ, sinh ngày 25/9/2015. Hiện tại cả hai cháu đang ở với anh Đ. Ly hôn, quan điểm của chị V đề nghị Tòa án giao cháu Linh Đ cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Nhật N giao cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn – anh Trương Ng Đ :

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần đối với anh Trương Ng Đ đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Phạm Thị V nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã về gia đình tại thôn Đ Th, xã L S, huyện Hậu L để xác minh và tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Trương Ng Đ . Tại thời điểm xác minh anh Đ không có mặt tại gia đình và địa phương, theo báo cáo của bà Hoàng Thị Chúc là mẹ đẻ của anh Đ cho biết, hiện nay anh Đ Đg đi làm ăn tại tỉnh Lai Châu và thường xuyên gọi điện và về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành lập biên bản giao các văn bản tố tụng cho bà Chúc là người nhận, bà Chúc cam kết sẽ giao lại cho anh Đ, để anh Đ biết và thực hiện quyền của mình.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 BLTTDS; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS; thực hiện đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Xét thấy hôn nhân của chị V và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị V, cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Trương Ng Đ.

- Về con chung: Giao cháu Trương Linh Đ, sinh ngày 25/9/2015 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Trương Nhật N, sinh ngày 31/10/2011 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản: Chị V không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

- Về công nợ: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu "Ly hôn, Th chấp nuôi con khi ly hôn" giữa nguyên đơn chị Phạm Thị V và bị đơn anh Trương Ngọc Đ là Th chấp dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Đ Th, xã L S, huyện Hậu L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, như thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đối với bị đơn anh Trương Ng Đ, nhưng do anh Đ không đến tòa án để giải quyết việc chị V xin ly hôn anh, nên Tòa án đã về địa phương thôn Đ Th, xã L S tiến hành xác minh, theo báo cáo của chính quyền địa phương và bà Hoàng Thị Chúc là mẹ đẻ của anh Đ cho biết, anh Đ Đg có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ Th, xã L S, huyện Hậu L, hiện tại anh ĐĐg đi làm ăn tại Lai Châu và thường xuyên gọi điện và về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành lập biên bản giao các văn bản tố tụng cho bà Chúc là người nhận, bà Chúc cam kết sẽ giao lại cho anh Đ, để anh Đ biết và thực hiện quyền của mình.

Tại các buổi hòa giải anh Đ vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hòa giải được, Chị V vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ và đề nghị HĐXX tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã có quyết định mở phiên tòa ngày 24/8/2022, nhưng anh Đ vắng mặt, để bảo đảm quyền lợi cho anh Đ Tòa án đã phải

hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 20/9/2022 chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản Điều 228 BLTTDS, tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

**Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị V và anh Trương Ng Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã L S, ngày 26/01/2011, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Đ chơi bời, bài bạc, có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nên chị V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Ng Đ.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị V và anh Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho người thân của anh Đ, nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc chị V xin ly hôn anh, như vậy chứng tỏ rằng anh Đ cũng không tha thiết gì về cuộc hôn nhân giữa anh và chị V. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị V, cho chị V được ly hôn với anh Đ là phù hợp với thực tế và quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Chị Phạm Thị V xác định vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất tên là Trương Nhật N, sinh ngày 31/10/2011, cháu thứ hai tên là Trương Linh Đ, sinh ngày 25/9/2015. Hiện tại cả hai cháu Đg ở với anh Đ. Ly hôn, quan điểm của chị V đề nghị Tòa án giao cháu Linh Đ cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn cháu Nhật N giao cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Việc đề nghị của chị V là khi vợ chồng ly hôn thì mỗi người nuôi dưỡng một cháu, ý kiến của cháu Trương Nhật N, nếu bố mẹ cháu phải ly hôn nhau, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố, đối với cháu Trương Linh Đ tính đến ngày xét xử cháu chưa đủ 7 tuổi, nên không xem xét nguyện vọng của cháu Linh Đ. Xét thấy đề nghị của chị V là hoàn toàn phù hợp và đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của cả hai bên về việc nuôi dưỡng con chung, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị V. Giao cháu Linh Đ cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Giao cháu Nhật N cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

**Về tài sản và công nợ:* Chị Phạm Thị V xác định: Vợ chồng không có tài sản

gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ thứ tài sản gì, nên chị V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

[5].Về án phí: Buộc chị Phạm Thị V phải chịu án phí ly hôn, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị V về việc xin Ly hôn, Th chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Trương Ng Đ.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị V được ly hôn anh Trương Ng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Linh Đ, sinh ngày 25/9/2015 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao cháu Trương Nhật N, sinh ngày 31/10/2011 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Đ và chị V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

***Về án phí:** Buộc chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0009062 ngày 10/6/2022 của chi Cục thi hành án dân sự huyện Hậu L.

***Về quyền kháng cáo:** Chị V, anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc) ngày bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hậu L;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hậu L;
- UBND xã L S;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên

